UBND TỈNH THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 8 năm 2018

ĐIỂM THI

PHẦN III.1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ, NN&PL XHCN

LỚP TCLLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 42, TẠI TRƯỜNG

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
1	Hoàng Tuấn Anh	01	19	7.0	*Bảy*	
2	Lưu Tuấn Anh	02	20	7.0	*Bảy*	
3	Lê Việt Anh	03	93	7.5	*Bảy rưỡi*	
4	Lý Tuấn Anh	04	46	7.0	*Bảy*	
5	Lại Văn Bắc	05	27	8.0	*Tám*	
6	Trần Thị Bắc	06	75	7.0	*Bảy*	
7	Nguyễn Thị Bến	07	97	7.5	*Bảy rưỡi*	
8	Bùi Đức Biên	08	90	7.5	*Bảy rưỡi*	
9	Đinh Tiến Bình	09	47	7.0	*Bảy*	
10	Nông Thị Hồng Chi	10	44	8.0	*Tám*	
11	Trần Thúy Chung	11	64	8.0	*Tám*	
12	Nguyễn Việt Dũng	12	03	7.0	*Bảy*	
13	Việt Tiến Dũng	13	05	7.0	*Bảy*	
14	Vũ Thùy Dương	14	-	-	-	***Vắng thi***
15	Đỗ Hoàng Dương	15	04	7.0	*Bảy*	
16	Nguyễn Quang Đằng	16	02	7.0	*Bảy*	
17	Trần Thị Bích Đào	17	26	7.5	*Bảy rưỡi*	
18	Phạm Công Đỉnh	18	25	8.0	*Tám*	
19	Hoàng Anh Đức	19	34	7.5	*Bảy rưỡi*	
20	Lê Thị Hà Giang	20	104	8.0	*Tám*	
21	Đồng Thị Hà	21	39	7.5	*Bảy rưỡi*	
22	Phạm Thị Thu Hà	22	06	7.0	*Bảy*	
23	Nguyễn Thị Thúy Hà	23	59	7.0	*Bảy*	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
24	Nguyễn Thị Hà	24	30	7.0	*Bảy*	
25	Lê Thái Hà	25	60	7.5	*Bảy rưỡi*	
26	Vi Thị Hải	26	92	7.0	*Bảy*	
27	Nguyễn Văn Hải	27	71	7.0	*Bảy*	
28	Nguyễn Minh Hoàn	28	79	8.0	*Tám*	
29	Nguyễn Thị Huyền	29	53	8.0	*Tám*	
30	Nguyễn Thị Thúy Hằng	30	31	8.0	*Tám*	
31	Trần Thị Thu Hằng	31	70	7.5	*Bảy rưỡi*	
32	Nguyễn Thị Thu Hằng	32	48	7.5	*Bảy rưỡi*	
33	Nguyễn Thị Hiền	33	91	7.0	*Bảy*	
34	Nguyễn Thanh Hiếu	34	38	7.0	*Bảy*	
35	Lê Thị Hoa	35	83	8.0	*Tám*	
36	Cao Xuân Hòa	36	35	8.0	*Tám*	
37	Đinh Như Hoàng	37	43	7.0	*Bảy*	
38	Nguyễn Thị Bích Hồng	38	52	7.5	*Bảy rưỡi*	
39	Nguyễn Thị Hồng	39	57	7.5	*Bảy rưỡi*	
40	Nguyễn Thị Huân	40	14	7.0	*Bảy*	
41	Đào Thị Huệ	41	96	7.0	*Bảy*	
42	Nguyễn Mạnh Hùng	42	56	8.0	*Tám*	
43	Nguyễn Quốc Hùng	43	89	8.0	*Tám*	
44	Lê Văn Hưng	44	21	8.0	*Tám*	
45	Nguyễn Thu Hương	45	54	7.5	*Bảy rưỡi*	
46	Nguyễn Thị Hương	46	95	7.5	*Bảy rưỡi*	
47	Nguyễn Thị Mai Hương	47	98	6.5	*Sáu rưỡi*	
48	Trần Thị Thu Hương	48	41	8.0	*Tám*	
49	Hoàng Lan Hương	49	22	7.5	*Bảy rưỡi*	
50	Đào Thị Hương	50	33	7.5	*Bảy rưỡi*	
51	Nguyễn Xuân Huỳnh	51	76	7.0	*Bảy*	
52	Nguyễn Duy Khánh	52	81	8.0	*Tám*	
53	Nguyễn Thị Phương Khương	53	100	8.0	*Tám*	
54	Trần Thị Khuyên	54	66	7.5	*Bảy rưỡi*	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
55	Nguyễn Đắc Lâm	55	82	7.0	*Bảy*	
56	Đào Thị Lan	56	102	8.0	*Tám*	
57	Phạm Đức Linh	57	72	7.5	*Bảy rưỡi*	
58	Trần Văn Lợi	58	13	7.5	*Bảy rưỡi*	
59	Lê Thị Miền	59	68	7.5	*Bảy rưỡi*	
60	Trần Văn Nam	60	28	7.0	*Bảy*	
61	Giang Thanh Nam	61	18	7.0	*Bảy*	
62	Dương Thị Nga	62	101	7.5	*Bảy rưỡi*	
63	Hà Thị Thanh Nga	63	84	8.0	*Tám*	
64	Nguyễn Thị Bích Ngọc	64	55	7.5	*Bảy rưỡi*	
65	Nguyễn Thị Nhung	65	42	7.5	*Bảy rưỡi*	
66	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	66	94	8.0	*Tám*	
67	Phạm Thị Oanh	67	105	7.5	*Bảy rưỡi*	
68	Hoàng Thị Nam Phương	68	99	7.5	*Bảy rưỡi*	
69	Nguyễn Thị Quyên (A)-1970	69	65	7.0	*Bảy*	
70	Nguyễn Thị Quyên (B)-1979	70	80	7.5	*Bảy rưỡi*	
71	La Thị Quyên	71	12	7.5	*Bảy rưỡi*	
72	Lê Xuân Quỳnh	72	58	7.0	*Bảy*	
73	Hoàng Thị Quỳnh	73	73	7.5	*Bảy rưỡi*	
74	Trần Anh Sáng	74	23	8.0	*Tám*	
75	Ma Quốc Tám	75	63	6.5	*Sáu rưỡi*	
76	Nguyễn Thị Tâm	76	10	6.5	*Sáu rưỡi*	
77	Châm Nhật Tân	77	69	7.0	*Bảy*	
78	Vũ Duy Thái	78	01	7.5	*Bảy rưỡi*	
79	Phan Doãn Thắng	-	-	-	-	***Không đủ ĐKDT***
80	Đỗ Thị Thanh	79	45	7.5	*Bảy rưỡi*	
81	Trương Thị Thanh	80	37	7.5	*Bảy rưỡi*	
82	Hoàng Trọng Thành	81	08	7.0	*Bảy*	
83	Vũ Bình Thành	82	17	8.0	*Tám*	
84	Phùng Văn Thành	83	36	7.5	*Bảy rưỡi*	
85	Phạm Thị Tây Thi	84	49	8.0	*Tám*	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
86	Bùi Thị Thịnh	85	67	8.0	*Tám*	
87	Đoàn Thị Thu	86	50	7.5	*Bảy rưỡi*	
88	Dương Thị Thúy	87	74	8.0	*Tám*	
89	Hà Thị Thu Thủy	88	09	7.5	*Bảy rưỡi*	
90	Hoàng Thị Thủy	89	88	8.0	*Tám*	
91	Nguyễn Thị Toán	90	24	8.0	*Tám*	
92	Dương Ngọc Toàn	91	62	7.5	*Bảy rưỡi*	
93	Nguyễn Đức Trịnh	92	07	7.5	*Bảy rưỡi*	
94	Triệu Trung Trực	93	51	7.5	*Bảy rưỡi*	
95	Ngô Văn Trung	94	40	7.0	*Bảy*	
96	Trịnh Viết Trường	95	11	7.0	*Bảy*	
97	Dương Thị Tuân	96	29	7.5	*Bảy rưỡi*	
98	Hứa Minh Tuân	97	77	7.5	*Bảy rưỡi*	
99	Dương Thị Vân	98	61	7.5	*Bảy rưỡi*	
100	Dương Tiến Việt	99	78	7.0	*Bảy*	
101	Nguyễn Thị Việt	100	15	7.5	*Bảy rưỡi*	
102	Vũ Văn Vinh	101	16	7.0	*Bảy*	
103	Lê Trung Kiên	102	86	6.0	*Sáu*	Phần III.1 K41KTT
104	Ngô Đức Hạnh	103	87	6.5	*Sáu rưỡi*	Phần III.1 K41KTT
105	Luân Thu Hằng	104	103	8.0	*Tám*	Phần III.1 K41KTT
106	Ngô Quốc Hưng	105	85	6.5	*Sáu rưỡi*	Phần III.1 K41KTT
107	Nguyễn Phú Cường	106	32	6.5	*Sáu rưỡi*	Phần III.1 K41KTT

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO | **KHOA NN&PL** | **KT. HIỆU TRƯỞNG**
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Phúc Ái | **Nguyễn Thị Hồng Mây** | **Phạm Minh Chuyên**